

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA KHẢO SÁT KHỐI 9 - LẦN 1

NĂM HỌC 2016 - 2017

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
32	900001	9A1	Bùi Thu An	05/02/2002	210	
32	900002	9A4	Đặng Vũ Khánh An	28/09/2002	210	
32	900003	9A4	Ngô Thụy An	11/09/2002	210	
32	900004	9A1	Nguyễn Minh An	30/09/2002	210	
32	900005	9A2	Nguyễn Thúy An	05/12/2002	210	
32	900006	9A4	Vũ Thị Thái An	12/12/2002	210	
32	900007	9A1	Đậu Duy Anh	15/06/2002	210	
32	900008	9A4	Đinh Đức Anh	18/03/2002	210	
32	900009	9A1	Hồ Đức Anh	22/05/2002	210	
32	900010	9A1	Lã Phan Anh	18/01/2002	210	
32	900011	9A5	Mai Bảo Anh	12/04/2002	210	
32	900012	9A5	Ngô Phương Anh	25/03/2002	210	
32	900013	9A4	Nguyễn Duy Anh	23/05/2002	210	
32	900014	9A2	Nguyễn Đỗ Minh Anh	28/12/2002	210	
32	900015	9A2	Nguyễn Đức Anh	04/04/2002	210	
32	900016	9A4	Nguyễn Hoàng Anh	02/11/2002	210	
32	900017	9A4	Nguyễn Hoàng Anh	21/07/2002	210	
32	900018	9A5	Nguyễn Hoàng Đức Anh	02/10/2002	210	
32	900019	9A3	Nguyễn Minh Anh	25/04/2002	210	
32	900020	9A1	Nguyễn Minh Phương Anh	07/03/2002	210	
32	900021	9A4	Nguyễn Ngọc Anh	09/05/2002	210	
32	900022	9A5	Nguyễn Quốc Anh	11/04/2002	210	
32	900023	9A5	Nguyễn Thị Phương Anh	19/04/2002	210	
33	900024	9A5	Nguyễn Trâm Anh	17/07/2002	211	
33	900025	9A3	Nguyễn Trần Diệu Anh	03/09/2002	211	
33	900026	9A3	Nguyễn Vân Anh	18/07/2002	211	
33	900027	9A2	Nguyễn Vũ Hà Anh	28/08/2002	211	
33	900028	9A2	Nguyễn Vũ Vân Anh	09/05/2002	211	
33	900029	9A3	Phạm Hà Anh	13/06/2002	211	
33	900030	9A5	Phạm Mai Hiếu Anh	09/04/2002	211	
33	900031	9A2	Vũ Thùy Anh	03/12/2002	211	
33	900032	9A5	Đào Hữu Bách	19/04/2002	211	
33	900033	9A4	Ngô Xuân Bách	19/06/2002	211	
33	900034	9A1	Nguyễn Ngọc Bách	25/01/2002	211	
33	900035	9A1	Lương Gia Bảo	02/11/2002	211	
33	900036	9A5	Nguyễn Quế Châu	23/05/2002	211	
33	900037	9A3	Nguyễn Quỳnh Châu	04/10/2002	211	
33	900038	9A3	Hà Linh Chi	28/10/2002	211	
33	900039	9A3	Vũ Linh Chi	28/12/2002	211	
33	900040	9A1	Nguyễn Hoàng Công	20/09/2002	211	
33	900041	9A4	Nguyễn Hùng Cường	28/01/2002	211	
33	900042	9A1	Vũ Thị Mỹ Dung	05/08/2002	211	
33	900043	9A1	Nguyễn Đức Duy	28/10/2002	211	
33	900044	9A1	Nguyễn Khánh Duy	01/12/2002	211	
33	900045	9A5	Trần Đức Duy	19/02/2002	211	
33	900046	9A5	Lê Thùy Dương	13/02/2002	211	
34	900047	9A2	Chu Mạnh Đạt	26/07/2002	212	
34	900048	9A1	Đỗ Tuấn Đạt	14/01/2002	212	
34	900049	9A1	Đỗ Xuân Đạt	24/02/2002	212	
34	900050	9A3	Nguyễn Danh Đạt	05/09/2002	212	
34	900051	9A1	Nguyễn Thành Đạt	21/12/2002	212	

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
34	900052	9A2	Nguyễn Thành Đạt	24/05/2002	212	
34	900053	9A5	Ngô Hoàng Hải Đăng	09/02/2002	212	
34	900054	9A1	Lê Đức	30/11/2002	212	
34	900055	9A3	Lê Minh Đức	01/10/2002	212	
34	900056	9A4	Nguyễn Anh Đức	23/05/2002	212	
34	900057	9A3	Phạm Hoàng Minh Đức	05/11/2002	212	
34	900058	9A2	Vũ Nhật Minh Đức	16/02/2002	212	
34	900059	9A5	Cao Huyền Hoàng Giang	26/10/2002	212	
34	900060	9A1	Cao Phan Thùy Giang	14/10/2002	212	
34	900061	9A4	Trần Hương Giang	24/04/2002	212	
34	900062	9A1	Trương Hương Giang	22/12/2002	212	
34	900063	9A4	Đinh Thu Hà	04/12/2002	212	
34	900064	9A2	Nguyễn Cẩm Hà	16/08/2002	212	
34	900065	9A2	Nguyễn Minh Hà	03/11/2002	212	
34	900066	9A2	Nguyễn Thị Ngọc Hà	22/09/2002	212	
34	900067	9A1	Phạm Lê Hà	23/01/2002	212	
34	900068	9A3	Cao Hoàng Hải	22/03/2002	212	
34	900069	9A2	Nguyễn Vũ Hải	23/08/2002	212	
35	900070	9A3	Trần Hoàng Hải	10/05/2002	215	
35	900071	9A3	Đỗ Hồng Hạnh	12/08/2002	215	
35	900072	9A5	Ngô Thanh Hằng	06/05/2002	215	
35	900073	9A4	Nguyễn Minh Hằng	10/02/2002	215	
35	900074	9A5	Lê Thị Hiền	19/09/2002	215	
35	900075	9A5	Nguyễn Thu Hiền	10/03/2002	215	
35	900076	9A4	Nguyễn Vũ Thu Hiền	13/01/2002	215	
35	900077	9A3	Nguyễn Quý Hiền	08/01/2002	215	
35	900078	9A1	Lê Duy Hiếu	27/08/2002	215	
35	900079	9A5	Nguyễn Minh Hiếu	16/05/2002	215	
35	900080	9A3	Vũ Minh Hiếu	10/06/2002	215	
35	900081	9A4	Phạm Xuân Hiệu	16/12/2002	215	
35	900082	9A2	Hoàng Đức Hình	16/11/2002	215	
35	900083	9A5	Trần Khánh Hòa	03/01/2002	215	
35	900084	9A3	Đỗ Thu Hoài	23/01/2002	215	
35	900085	9A1	Dương Việt Hoàng	14/03/2002	215	
35	900086	9A5	Lê Huy Hoàng	29/09/2002	215	
35	900087	9A4	Mai Minh Hoàng	14/05/2002	215	
35	900088	9A2	Phạm Nam Hoàng	20/02/2002	215	
35	900089	9A5	Võ Trọng Huy Hoàng	25/10/2002	215	
35	900090	9A2	Chu Anh Huy	13/09/2002	215	
35	900091	9A2	Đoàn Quang Huy	05/09/2002	215	
35	900092	9A2	Trần Khánh Huyền	03/01/2002	215	
36	900093	9A3	Hoàng Bảo Lan Hương	17/02/2002	216	
36	900094	9A4	Đỗ Thị Lan Khanh	04/02/2002	216	
36	900095	9A1	Đinh Minh Khánh	09/11/2002	216	
36	900096	9A1	Nguyễn Hưng Khánh	31/03/2002	216	
36	900097	9A1	Kiều Trung Kiên	31/10/2002	216	
36	900098	9A1	Đào Bá Kỳ	06/01/2002	216	
36	900099	9A2	Nguyễn Cao Kỳ	17/12/2002	216	
36	900100	9A4	Trần Nguyễn Hoàng Lan	07/12/2002	216	
36	900101	9A3	Cao Thượng Lâm	21/12/2002	216	
36	900102	9A2	Nguyễn Bá Sỹ Lân	09/03/2002	216	
36	900103	9A3	Kiều Thị Ánh Lệ	28/03/2002	216	
36	900104	9A2	Dương Bảo Liên	21/05/2002	216	
36	900105	9A3	Chu Khánh Linh	02/06/2002	216	
36	900106	9A3	Chu Ngọc Thùy Linh	18/01/2002	216	
36	900107	9A4	Đinh Diệu Linh	25/08/2002	216	

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
36	900108	9A3	Đỗ Thùy Linh	13/08/2002	216	
36	900109	9A3	Lưu Khánh Linh	12/10/2002	216	
36	900110	9A2	Nguyễn Giang Linh	20/08/2002	216	
36	900111	9A3	Nguyễn Phương Linh	03/08/2002	216	
36	900112	9A4	Nguyễn Phương Linh	22/01/2002	216	
36	900113	9A2	Nguyễn Tăng Linh	06/03/2002	216	
36	900114	9A3	Nguyễn Vũ Thùy Linh	21/09/2002	216	
36	900115	9A2	Phạm Khánh Linh	27/03/2002	216	
37	900116	9A4	Tăng Thị Phương Linh	12/11/2002	218	
37	900117	9A5	Trần Khánh Linh	03/05/2002	218	
37	900118	9A4	Vũ Phương Linh	17/01/2002	218	
37	900119	9A4	Chu Đức Long	14/06/2002	218	
37	900120	9A3	Đào Thị Hương Ly	27/03/2002	218	
37	900121	9A3	Lê Hoàng Thanh Mai	22/07/2002	218	
37	900122	9A1	Lê Thanh Mai	26/04/2002	218	
37	900123	9A4	Trần Hiền Mai	22/01/2002	218	
37	900124	9A5	Nguyễn Văn Mạnh	15/03/2002	218	
37	900125	9A1	Chu Tuấn Minh	09/11/2002	218	
37	900126	9A4	Lê Vũ Nguyệt Minh	12/11/2002	218	
37	900127	9A4	Nguyễn Thị Hồng Minh	18/10/2002	218	
37	900128	9A2	Nguyễn Tổng Minh	06/02/2002	218	
37	900129	9A2	Nguyễn Viết Hoàng Minh	04/10/2002	218	
37	900130	9A5	Phạm Ngọc Minh	12/05/2002	218	
37	900131	9A4	Trần Ngọc Minh	18/11/2002	218	
37	900132	9A2	Trần Quang Minh	23/09/2002	218	
37	900133	9A4	Trương Đắc Minh	08/10/2002	218	
37	900134	9A4	Trương Mai Bình Minh	09/09/2002	218	
37	900135	9A3	Lê Thị Trà My	21/10/2002	218	
37	900136	9A1	Nguyễn Trà My	29/11/2002	218	
37	900137	9A5	Nguyễn Hoàng Nam	04/02/2002	218	
37	900138	9A5	Vũ Hạnh Ngân	17/02/2002	218	
38	900139	9A5	Vũ Hoàng Ngân	31/01/2002	219	
38	900140	9A4	Hoàng Nguyễn Minh Ngọc	24/10/2002	219	
38	900141	9A3	Khuất Nguyên Ngọc	24/11/2002	219	
38	900142	9A1	Nguyễn Khánh Ngọc	28/09/2002	219	
38	900143	9A4	Nguyễn Khánh Ngọc	04/10/2002	219	
38	900144	9A3	Nguyễn Minh Ngọc	17/11/2002	219	
38	900145	9A3	Thái Đậu Thảo Ngọc	21/07/2002	219	
38	900146	9A5	Đậu Thảo Nguyên	06/01/2002	219	
38	900147	9A1	Hoàng Thành Nhật	05/07/2002	219	
38	900148	9A1	Hoàng Ý Nhi	23/11/2002	219	
38	900149	9A1	Nguyễn Cẩm Nhung	19/01/2002	219	
38	900150	9A5	Phạm Nguyễn Đức Phú	11/10/2002	219	
38	900151	9A1	Hà Minh Phương	04/10/2002	219	
38	900152	9A2	Hoàng Trần Thu Phương	09/12/2002	219	
38	900153	9A4	Lê Hà Phương	06/02/2002	219	
38	900154	9A5	Phan Hà Mỹ Phương	14/08/2002	219	
38	900155	9A1	Trần Nhật Phương	06/08/2002	219	
38	900156	9A1	Trần Xuân Quang	07/09/2002	219	
38	900157	9A3	Đỗ Đức Quân	24/02/2002	219	
38	900158	9A4	Nguyễn Diễm Quỳnh	24/04/2002	219	
38	900159	9A1	Đào Anh Sơn	03/08/2002	219	
38	900160	9A2	Lê Minh Sơn	17/03/2002	219	
38	900161	9A5	Phan Tùng Sơn	19/02/2002	219	
39	900162	9A2	Trần Hoàng Sơn	08/05/2002	318	
39	900163	9A1	Lê Hồng Chí Tài	23/03/2002	318	

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
39	900164	9A4	Trần Lê Anh Thái	07/04/2002	318	
39	900165	9A3	Bùi Đăng Thành	23/11/2002	318	
39	900166	9A2	Nguyễn Đình Tuấn Thành	30/10/2002	318	
39	900167	9A5	Dương Thị Thanh Thảo	11/08/2002	318	
39	900168	9A2	Lê Thu Thảo	02/02/2002	318	
39	900169	9A1	Lưu Hương Thảo	06/02/2002	318	
39	900170	9A3	Phạm Vũ Phương Thảo	16/06/2002	318	
39	900171	9A4	Trần Phương Thảo	29/09/2002	318	
39	900172	9A1	Lăng Xuân Thắng	20/09/2002	318	
39	900173	9A5	Vương Đức Thắng	13/10/2002	318	
39	900174	9A2	Lê Phương Thùy	09/02/2002	318	
39	900175	9A2	Trần Bích Thủy	08/07/2002	318	
39	900176	9A2	Đặng Thủy Tiên	23/12/2002	318	
39	900177	9A4	Đinh Thị Quỳnh Trang	01/07/2002	318	
39	900178	9A5	Đỗ Quỳnh Trang	06/10/2002	318	
39	900179	9A1	Nguyễn Hà Trang	16/01/2002	318	
39	900180	9A1	Nguyễn Thùy Trang	10/03/2002	318	
39	900181	9A2	Nguyễn Thùy Trang	09/03/2002	318	
39	900182	9A1	Hoàng Thanh Trúc	31/03/2002	318	
39	900183	9A5	Bùi Trần Chí Trung	31/01/2002	318	
39	900184	9A5	Ngô Việt Trường	26/12/2002	318	
40	900185	9A4	Nguyễn Anh Tú	03/10/2002	317	
40	900186	9A3	Trịnh Tuấn Tú	13/02/2002	317	
40	900187	9A3	Đỗ Minh Tuấn	06/08/2002	317	
40	900188	9A2	Ngô Vũ Khánh Uyên	21/10/2002	317	
40	900189	9A2	Trần Lê Vân	25/08/2002	317	
40	900190	9A4	Đỗ Bảo Vi	27/06/2002	317	
40	900191	9A1	Nguyễn Khánh Vi	24/06/2002	317	
40	900192	9A1	Hoàng Quốc Việt	27/08/2002	317	
40	900193	9A5	Lê Huy Việt	16/06/2002	317	
40	900194	9A3	Mai Thành Vũ	06/07/2002	317	
40	900195	9A2	Phạm Minh Vũ	02/04/2002	317	
40	900196	9A3	Tạ Văn Anh Vũ	11/06/2002	317	
40	900197	9A5	Trần Hoàng Vũ	28/06/2002	317	
40	900198	9A2	Nguyễn Trà Vy	14/04/2002	317	
40	900199	9A4	Trần Nhật Vy	16/05/2002	317	
40	900200	9A2	Lý Tuệ Xuân	25/04/2002	317	
40	900201	9N	Nguyễn Thành An	10/08/2002	317	
40	900202	9N	Trần Hòa An	01/03/2002	317	
40	900203	9N	Nguyễn Hải Anh	30/10/2017	317	
40	900204	9N	Nguyễn Phương Anh	30/10/2002	317	
40	900205	9N	Nguyễn Thúy Anh	05/11/2002	317	
40	900206	9N	Phí Hồng Anh	07/11/2002	317	
40	900207	9N	Vũ Bá Duy	24/12/2002	317	
41	900208	9N	Phạm Thùy Dương	26/06/2002	316	
41	900209	9N	Đỗ Huy Đức	14/06/2002	316	Chỉ thi Toán
41	900210	9N	Nguyễn Thanh Hà	15/09/2002	316	
41	900211	9N	Hồ Thanh Huyền	23/10/2002	316	
41	900212	9N	Nguyễn Hà Linh	19/12/2002	316	
41	900213	9N	Đinh Lê Minh	20/02/2000	316	
41	900214	9N	Ngô Tuấn Minh	17/07/2002	316	
41	900215	9N	Nguyễn Cao Minh	05/10/2002	316	
41	900216	9N	Nguyễn Hoàng Minh	08/04/2002	316	
41	900217	9N	Vũ Lê Minh	02/10/2002	316	
41	900218	9N	Trần Thị Bích Ngọc	23/10/2002	316	
41	900219	9N	Nguyễn Hoàng Phúc	15/03/2002	316	

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
41	900220	9N	Nguyễn Hà Phương	31/05/2002	316	
41	900221	9N	Đỗ Minh Quang	01/11/2002	316	
41	900222	9N	Nguyễn Minh Thiên	23/09/2002	316	
41	900223	9N	Vũ Bá Toàn	24/12/2002	316	
41	900224	9N	Lê Quỳnh Trang	31/10/2002	316	
41	900225	9N	Nguyễn Thị Hà Trang	04/10/2002	316	
41	900226	9N	Ngô Việt Tú	16/01/2002	316	
41	900227	9N	Nguyễn Quốc Tuấn	12/10/2002	316	
41	900228	9N	Đặng Đình Nguyên Vũ	19/11/2002	316	

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
-------	-----	-----	-----------	-----------	----------------------	---------

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
-------	-----	-----	-----------	-----------	----------------------	---------

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
-------	-----	-----	-----------	-----------	----------------------	---------

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
-------	-----	-----	-----------	-----------	----------------------	---------

Phòng	SBD	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Thi tại phòng học số	Ghi chú
-------	-----	-----	-----------	-----------	----------------------	---------